TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-PT
Ngày 23 tháng 01năm 2018
V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Nghiêm

Ông Hoàng Trung Thành

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La***: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23/01/2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn la, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLDS -PT ngày 21 tháng 11 năm 2017 về Kiện đòi tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2017/QĐ - PT ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đàm Văn T. bà Trần Thị H, địa chỉ: Số nhà 12, đường CMT 8, tổ 9, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Bà Trần Thị H có mặt tại phiên tòa. Ông Đàm Văn T ủy quyền cho bà Trần Thị H theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2017 vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, ông Trịnh Văn H; Địa chỉ: bản Thẳm A, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa.

Người được ủy quyền của bị đơn ông Trịnh Văn H: Ông Bùi Văn B,địa chỉ: tiểu khu S, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2017 có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông Đàm Văn T và bà Trần Thị H trình bày :

Ngày 27/8/2009 bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H có vay vợ chồng ông Đàm Văn T, bà Trần Thị H số tiền 1.300.000.000đ, với lãi suất 2%/tháng, mỗi tháng trả 40.000.000đ, hẹn đến ngày 30/12/2009 sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho gia đình ông T, bà H thể hiện bằng giấy vay tiền ký ngày 27/8/2009 trực tiếp bà Nguyễn Thị N viết có chữ ký của người vay tiền là bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H, có chữ ký của người cho vay tiền là vợ chồng ông T, bà H và có người làm chứng là ông Bùi Đức X là anh rể ông Trịnh Văn H. Đến ngày 30/12/2009 vợ chồng ông bà N H vẫn chưa trả nợ cho bà H, ông T, ông bà H T đã đòi rất nhiều lần nhưng bà N và ông H đều xin khất nợ, sau đó bà N và ông H đã mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H đã thế chấp để vay tiền ông bà T H, sau đó đưa hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nhờ bà L ở tiểu khu s, xã TL, huyện TC vay tiền để trả cho ông bà H T nhưng từ đó cho đến nay đã không trả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không trả số tiền nợ trên cho vợ chồng ông T, bà H.

Vì vậy, ông T, bà H đã có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là số tiền 1.300.000.000đ, tiền lãi từ ngày 27/8/2009 cho đến thời điểm xét xử. Riêng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 427634 và V 858185 do UBND huyện TC cấp mang tên bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H hiện đang thế chấp tại Ngân hàng công thương, ông bà đề nghị đòi lại để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H trình bày :

Từ năm 2007 đến năm 2008 gia đình bà N, ông H làm đại lý mua bán nông sản, lúc đó gia đình ông bà H T cũng thu mua nông sản, do thiếu vốn gia đình bà N ông H thường nhờ ông bà H T giúp đỡ, thường cứ bán xong hàng là gia đình lại thanh toán cả gốc và lãi cho ông bà H T. Đến cuối năm 2007 đầu

năm 2008 do buôn bán nông sản giá cả thất thường nên bà N phải nhờ ông bà H T cho vay tiền để thêm vốn. Tổng số tiền vay 3 lần: 650.000.000đ. Cụ thể các lần vay như sau:

+ Lần 1: Ngày 19/6/2008 là: 200.000.000đ, với lãi suất 2.500đ/ngày/1 triệu.

+ Lần 2: ngày 03/7/2008 là: 300.000.000đ , với lãi suất 2.500đ/ngày/1 triệu.

+ Lần 3: ngày 21/7/2008 là: 150.000.000đ, với lãi suất 2.500đ/ngày/1 triệu.

Cuối năm 2008 Ngân hàng nông nghiệp huyện TC có cho người đến tận gia đình động viên trả hết số tiền vay cũ, thì đợt tới ngân hàng sẽ cho vay số tiền nhiều hơn. Lúc đó bà H và bà N đang ngồi chốt sổ nợ với nhau nghe được tin này bà H có nhờ bà N kết hợp vay giúp cho bà H một ít để giải quyết công việc khó khăn trong gia đình., bà N nhất trí. Đổi lại bà H sẽ chuyển số tiền: 650.000.000đ từ lãi ngày sang lãi tháng là 2%/tháng sau khi bà N đã trả hết số tiền vay của ngân hàng, gia đình bà N muốn vay lại thì Ngân hàng trả lời vì ông H nghiện nên Ngân hàng không cho bà N vay tiếp được nữa. Sau khi bà H biết được tin này chỉ chấp nhận tính theo lãi suất 2% trong một tháng, còn lại tính theo lãi ngày.

Đến ngày 31/3/2009 bà H và bà N chốt sổ tính toán cụ thể như sau:

+ Đợt vay lần 1: Từ ngày 19/6/2008 đến ngày 30/3/2009 tổng là: 272 ngày - 30 ngày còn lại, 242 ngày lãi suất: 2.500đ/ngày/1 triệu tính cả gốc và lãi là: 321.000.000đ.

+ Đợt vay lần 2: Từ ngày 03/7/2008 đến ngày 31/3/2009 tổng 249 ngày - 30 ngày còn lại 219 ngày x 2.500đ/1 ngày/1 tháng. Tổng cả gốc và lãi là: 471.000.000đ.

+ Đợt vay lần 3: Từ ngày 21/7/2008 - 31/3/2009 tổng 247 ngày - 30 ngày còn lại 217 ngày x 2.500đ/1 ngày/1tháng. Tổng cả gốc và lãi là: 231.375.000đ (Hai trăm ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi năm ngàn đồng).

Tổng số tiền cả gốc và lãi của 3 đợt vay tính đến ngày 31/3/2009 là: 1.036.375.000đ. Bà H và bà N thống nhất trí bỏ số lẻ đi. Còn lại là:

1.036.000.000đ. Tổng thể đến ngày 31/3/2009 bà N đã trả cho ông bà H T là: 36.000.000đ trả làm 2 lần mỗi lần 10.000.000đ và một lần ủy quyền cho anh T lấy số tiền của Doanh nghiệp PC là 16. 000.000đ. Chốt sổ bà N còn nợ ông bà T H với số tiền là: 1.000.000.000đ.

Về số tiền: 1.300.000.000đ ông bà N H ký ngày 27/8/2009 tại nhà ông bà H T như sau : Từ lần chốt số lần trước ngày 31/3/2009 ông bà H T cộng cả gốc lẫn lãi của lần cộng số trước ngày 31/3/2009 nhưng ông H không chịu sau khi bàn đi tính lại. Ông bà H T giảm lãi suất từ 2.500đ/1 ngày/1 triệu xuống còn 2.000đ/1 ngày/1 triệu, các bên tính toán cụ thể như sau:

+ Từ ngày 31/3/2009 đến ngày 30/4/2009 tiền lãi của 1 tỷ là: 62.000.000đ.

+ Từ ngày 30/4/2009 đến ngày 31/5/2009 số lãi là: 62.000.000đ.

+ Từ ngày 31/5/2009 đến ngày 30/6/2009 số lãi là: 60.000.000đ.

+ Từ ngày 30/6/2009 đến ngày 31/7/2009 số lãi là: 62.000.000đ.

+ Từ ngày 31/7/2009 đến ngày 27/8/2009 số lãi là: 54.000.000đ.

Tổng số lãi của 1.000.000.000đ từ ngày 31/3/2009 đến ngày 27/8/2009 là: 300.000.000đ.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Bà N ủy quyền cho chị Đỗ Minh T cư trú tại số nhà 310, tổ 9, phường CL thay tôi trả cho ông bà HT là: 747.000.000đ. Chị H đã nhận số tiền và ký với chị Đỗ Minh T là: 414.000.000đ. Bà N đã trả nợ thay cho ông bà H T với chị L T cư trú tại Tiểu khu 3, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La.Tổng cộng bà N đã trả cho ông bà H T là: 750.000.000đ/650.000.000đ. Số tiền liên đới bà H đòi tiếp ở chỗ chị Đỗ Minh T là: 333.000.000đ.

Tổng thể, ông H bà N đã thanh toán cho ông bà H T là: 1.080.000.000đ, chiếu theo giấy nợ ngày 27/8/2009, còn thiếu của ông bà H T số tiền là: 220.000.000đ. Nhưng nay do hoàn cảnh gia đình, đề nghị ông bà H T tạo điều kiện để ông bà H N trả được số nợ còn lại.

Tại bản án số: 05/2017/DS - ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC đã xét xử và quyết định áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 357, điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kiện đòi nợ của

ông Đàm Văn T, bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H. Xử buộc bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông Đàm Văn T và bà Trần Thị H như sau: Số tiền nợ gốc là: 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) + số tiền lãi là : 3.178.066.000đ (ba tỷ một trăm bảy mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), tổng cộng là: 4.478.066.000đ (bốn tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 9/10/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị xem xét nguồn gốc số tiền vay giữa giữa gia đình ông bà với ông bà H T, việc chị Đỗ Minh T được ủy quyền trả nợ thay và việc hai bìa đỏ đang được thế chấp tại Ngân hàng.

Ý kiến tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: không nhất trí với đề nghị của bị đơn đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật và đề nghị: Sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa ông T, bà H với bà N, ông H vay nợ số tiền là 1.300.000.000đ với lãi suất 2%/tháng mỗi tháng, hẹn đến ngày 30/12/2009 bà N, ông H có trách nhiệm thanh toán cả tiền gốc và lãi cho ông T, bà H. Do bà N, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết mới dẫn đến việc tranh chấp giữa các bên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 463 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 là không chính xác,

không đảm bảo quy định của pháp luật, bởi lẽ: Theo hợp đồng vay tiền thì thời hạn thanh toán là ngày 30/12/2009, do không trả được nên ông bà N H đã xin khất nhiều lần, lần cuối vào ngày 10/01/2010, ngày 04/6/2017 ông Đàm Văn T bà Trần Thị H mới có đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định quan hệ pháp "Kiện đòi tài sản" để giải quyết mới đúng quy định của Pháp luật.

[2] Về nội dung: Do Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đã hết thời hiệu khởi kiện, việc tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Đàm Văn T, bà Trần Thị H, buộc bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi là không chính xác, bởi lẽ: Theo quy định tại Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP tranh chấp đòi lại tài sản thông qua giao dịch dân sự không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy chấp nhận yêu cầu của ông bà H T, buộc ông bà N H phải trả khoản nợ gốc là 1.285.000.000đ (tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác nhận bà N ông H đã trả được 15.000.000đ tiền gốc thông qua doanh nghiệp PC), không chấp nhận yêu cầu tính lại do đã hết thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N đề nghị làm rõ việc ông bà H T lấy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà đi thế chấp vay tiền của anh chị L T rồi ép ông bà trả nợ, và cho rằng đã ủy quyền cho chị Đỗ Minh T trả nợ thay khoản tiền 747.000.000đ nhưng không có căn cứ chứng minh việc chị Tâm nhận ủy quyền trả nợ thay. Tại phiên tòa phúc thẩm ông bà N H cũng không đưa ra được căn cứ nào khác để chứng minh việc trả nợ thay của chị Đỗ Minh Tâm, đồng thời cũng không xác định được chị Đỗ Minh T hiện đang sinh sống ở đâu, mặt khác bà H cũng không xác nhận đồng ý cho chị Tâm trả nợ thay ông bà N H.

Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà N ông H, tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận đã mượn lại ông bà H T và tự mang đi thế chấp tại Ngân hàng công thương để vay tiền nên không có căn cứ để xem xét.

Mặt khác, hai nội dung trên cũng không liên quan đến thỏa thuận vay tiền giữa hai bên nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà N ông H.

Từ những nhận định trên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do sửa bản án sơ thẩm. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự

Sửa bản án sơ thẩm số: 05/2017/DSST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La như sau: Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 427 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu kiện đòi nợ của ông Đàm Văn T, bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H. Xử buộc bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho ông Đàm Văn T và bà Trần Thị H là: 1.285.000.000đ (một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

" Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án".

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N và ông Trịnh Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.550.000đ (năm mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 04880 ngày 24/10/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, còn phải nộp số tiền 50.250.000 (Năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Ông Đàm Văn T và bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 03417 ngày 13/6/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 23/01/2018)

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Sơn La;
- Toà án huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Phòng GĐKT;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Hoàng Thị Bích Hồng